

Bản án số: 307/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Kim Nhân

Ông Trần Phước Nhiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15465/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16777/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Hà Phú T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số G đường Đ, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Ngọc D, sinh năm 1993; địa chỉ: Số G đường Đ, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Hà Phú T trình bày: Ông và bà Hồ Thị Ngọc D tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/01/2019. Sau khi kết hôn thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó thì hai người bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, cách cư xử, văn hóa, suy nghĩ cũng như tính cách. Hiện nay, ông và bà D đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà chỉ còn những mâu thuẫn ngày gây gút, cãi vã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay do mong muốn để mỗi bên tạo lập, xây dựng cuộc sống riêng nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Hồ Thị Ngọc D.

Về con chung: Bà và bà D có 01 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 10/5/2019. Khi ly hôn, bà D là sẽ người nuôi con. Ông tự nguyện cấp dưỡng 8 triệu đồng một tháng và đóng toàn bộ tiền học phí từ khi con đủ tuổi đến trường cho đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Hồ Thị Ngọc D có văn bản ngày 13/8/2024 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Hà Phú T.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 10/5/2019 theo Giấy khai sinh số 76 do UBND phường C, Quận A cấp ngày 27/5/2019. Bà đồng ý sẽ là người trực tiếp nuôi con; ông H cso quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật. Ông T tự nguyện đóng toàn bộ học phí cho con kể từ khi con đủ tuổi đến trường đi học cho đến khi con trưởng thành và đồng ý cấp dưỡng cho con 8.000.000 đồng/tháng, từ khi ly hôn cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà D vắng mặt, ông T yêu cầu không tiếp tục tiến hành hòa giải nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Ông Thành giữ yêu cầu được ly hôn và tự nguyện cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc cho ly hôn, giao con chung cho bà D nuôi và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Hà Phú T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Hồ Thị Ngọc D; căn cứ kết quả xác minh của Công an phường C, Quận A thì có cơ sở xác định bà D cư trú tại Số G đường Đ, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn Số 04, đăng ký ngày 15/01/2019 tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận A,

Thành phố Hồ Chí Minh thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà D là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông T: Căn cứ vào lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng ông T và bà D là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, không thể cảm thông, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Ông T kiên quyết ly hôn; bà D có văn bản đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt khi được Tòa án triệu tập; hai bên đều không có nguyện vọng muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình của vợ chồng ông T và bà D diễn ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Phú T về việc ly hôn với bà Hồ Thị Ngọc D.

[5] Về con chung: Ông T và bà D có 01 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 10/5/2019. Khi ly hôn, ông T và bà D đều xác định giao con chung cho bà D tiếp nuôi nên Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi.

[6] Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc cấp dưỡng cho con 8 triệu đồng một tháng và đóng toàn bộ tiền học phí từ khi con đủ tuổi đến trường cho đến khi đủ tuổi trưởng thành

[7] Về tài sản chung: Ông T và bà D xác định không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Ông T có nghĩa vụ chịu án phí tranh chấp về hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[9] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57 và 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Phú T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Phú T được ly hôn với bà Hồ Thị Ngọc D.
2. Về con chung: Ông T và bà D có một con chung là Trần Gia H, sinh ngày 10/5/2019. Khi ly hôn, giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc cấp dưỡng cho trẻ Trần Gia H: Ông T có nghĩa vụ đóng toàn bộ tiền học phí từ khi con đủ tuổi đến trường đến khi con đủ 18 tuổi; có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 8.000.000 đồng mỗi tháng, thực hiện từ khi

ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không thi hành hoặc thi hành không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Ông T và bà D xác định không có tài sản chung hay nợ chung, không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng do ông T chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0038681 ngày 25/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

6. Ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự../.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- THADS Q.1
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thế Đông